TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Từ Quốc Thái Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Quang**

2. Ông **Trịnh Văn Thái**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24/5/2019, về: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Đỗ Duy Th**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn Bình An 3, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Tr**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn Bình An 3, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn anh Đỗ Duy Th trình bày:

Anh và chị Lê Thị Tr tìm hiểu và tự nguyện chung sống từ năm 2004, đến ngày 30/5/2005 thì anh và chị Tr đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (cũ) nay là xã T, thị xã L (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68; Quyển số 01, ngày 30/5/2005).

Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ

chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Chị Tr ít có trách nhiệm với gia đình mà thường xuyên tụ tập chơi bời với bạn bè và có những ngôn từ thiếu lễ phép với gia đình anh. Vợ chồng có hòa giải với nhau thì chị Tr hứa thay đổi nhưng không sửa đổi. Khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng không sống chung nữa. Chị Tr ra ngoài thuê nhà trọ sống tại thôn Bình An 3, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng cũng có hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay tình cảm của anh đối với chị Tr không còn, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, gồm: cháu Đỗ Thị Bích Trâm, sinh ngày: 10/3/2005; Giới tính: Nữ và cháu Đỗ Quốc Thiện, sinh ngày: 26/10/2007; Giới tính: Nam. Hiện nay cháu Trâm đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị Trang trực tiếp nuôi cháu Thiện. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Bích Trâm; Giao cho chị Tr nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc Thiện. Anh không yêu cầu chị Trang cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Th vẫn giữ nguyên các yêu cầu như trên.

Bị đơn chị Lê Thị Tr:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị Tr nhưng chị không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa.

Tại phiên tòa, chị Tr vẫn vắng mặt không có lý do.

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn của anh chị là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân đúng như anh Th đã trình bày và mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, rất khó để hàn gắn.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Anh Đỗ Duy Th được ly hôn chị Lê Thị Tr. Về con chung: Giao cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Đỗ Thị Bích Trâm, sinh ngày: 10/3/2005; Giới tính: Nữ. Giao cho chị Trang nuôi dưỡng cháu Đỗ Quốc Thiện, sinh ngày: 26/10/2007; Giới tính: Nam. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn Đỗ Duy Th. Bị đơn Lê Thị Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Đỗ Duy Th nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Bị đơn chị Lê Thị Tr có nơi cư trú tại Thôn Bình An 3, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Tr không có mặt để giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên việc vắng mặt này của chị Tr được coi là chị từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Duy Th và chị Lê Thị Tr tìm hiểu và tự nguyện chung sống từ năm 2004, đến ngày 30/5/2005 thì vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hàm Tân (cũ), nay là xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Qua xác minh thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề, thường xuyên xảy ra cải vã, xích mích. Chị Tr ít lo lắng cho gia đình. Vợ chồng anh Th, chị Tr đã không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Điều này phù hợp với trình bày của anh Th. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Tr không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa. Điều này chứng tỏ chị không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân và anh chị cũng không có giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, anh Đỗ Duy Th được ly hôn chị Lê Thị Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng anh Th, chị Tr có 02 con chung, gồm: cháu Đỗ Thị Bích Trâm, sinh ngày: 10/3/2005 (Giới tính: Nữ) và cháu Đỗ Quốc Thiện, sinh ngày: 26/10/2007 (Giới tính: Nam).

Xét yêu cầu nuôi con của anh Đỗ Duy Th, Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo cho con trẻ được phát triển bình thường, đầy đủ nhất về thể chất và tinh thần. Hiện tại anh Th, chị Tr đều có việc làm và thu nhập ổn định, quá trình vợ chồng sống ly thân thì mỗi người nuôi dưỡng một con chung và anh chị đều nuôi dưỡng các cháu tốt. Hiện cháu Tr đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trâm có nguyện vọng ở với anh Th; còn cháu Thiện đang do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, cháu

Thiện có nguyện vọng ở với chị Tr. Hơn nữa, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Tr vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nào đến Tòa. Điều này chứng tỏ chị Tr không có ý kiến phản bác gì đối với các yêu cầu khởi kiện của anh Th, trong đó có vấn đề về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trâm cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thiện cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Th, chị Tr có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, anh Th, chị Tr được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Th không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Th, chị Tr cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Đỗ Duy Th được ly hôn chị Lê Thị Tr.

[2] Về con chung: Giao cho anh Đỗ Duy Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thị Bích Trâm, sinh ngày: 10/3/2005 (Giới tính: Nữ); Giao cho chị Lê Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Quốc Thiện, sinh ngày: 26/10/2007 (Giới tính: Nam).

Anh Đỗ Duy Th, chị Lê Thị Tr có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Th, chị Tr được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đỗ Duy Th, chị Lê Thị Tr cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đỗ Duy Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn. Nhưng anh Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0022272, ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Anh Đỗ Duy Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*
- *Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã T, thị xã L.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình